

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng
không gian, xây dựng Cơ sở đào tạo của Học viện Ngân hàng tại
Khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông báo số 268/TB-VPCP ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long về tình hình thực hiện Đề án xây dựng Khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Công văn số 5221/NHNN-TCKT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc mở rộng không gian, xây dựng cơ sở để phục vụ nhiệm vụ đào tạo của Học viện Ngân hàng tại Hà Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2296/TTr-STC ngày 09 tháng 9 năm 2025 và kết quả thẩm định của Sở Tài chính tại văn bản số 2176/STC-TĐ ngày 07 tháng 9 năm 2025, kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số 1764/SXD-QLXD ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng không gian, xây dựng Cơ sở đào tạo của Học viện Ngân hàng tại Khu Đại học Nam Cao, tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Mở rộng không gian, xây dựng Cơ sở đào tạo của Học viện Ngân hàng tại Khu Đại học Nam Cao, tỉnh Hà Nam (*nay là tỉnh Ninh Bình*).

2. Địa điểm xây dựng: Khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam - Phường Hà Nam, tỉnh Ninh Bình (*trước sáp nhập là thị xã Duy Tiên và thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*).

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu công nghệ cao tỉnh Ninh Bình.

5. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Văn phòng Tư vấn và chuyển giao công nghệ Xây dựng.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng cấp II.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho dự án.

7. Mục tiêu dự án

Đầu tư xây dựng mở rộng không gian, xây dựng cơ sở đào tạo của Học viện Ngân hàng tại tỉnh Ninh Bình nhằm đáp ứng nhu cầu, quy mô đào tạo theo chiến lược phát triển của Học viện. Từng bước đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo Học viện Ngân hàng tại tỉnh Ninh Bình đạt chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với tổng quy mô đào tạo khoảng 6.500 sinh viên.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

8.1. Phạm vi, quy mô đầu tư

8.1.2. Vị trí và quy mô sử dụng đất

- Cơ cấu sử dụng đất theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại ô đất ký hiệu B.GD-02 thuộc Khu đô thị đại học Nam Cao được Ban Quản lý Khu đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh Ninh Bình phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-BQL ngày 16 tháng 7 năm 2025, cụ thể:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu văn phòng làm việc (<i>Nhà hiệu bộ</i>)	8.314,2	3,9
2	Khu giảng đường	18.548,4	8,7

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
3	Khu thư viện và trung tâm CNTT	7.045,5	3,3
4	Khu thí nghiệm và thực hành	2.648,6	1,2
5	Khu giáo dục thể chất và quốc phòng; hội trường lớn	19.463,0	9,1
6	Khu ký túc xá sinh viên và căn hộ dịch vụ cho giảng viên, chuyên gia	14.100,4	6,6
7	Khu nhà văn và dịch vụ thương mại tổng hợp, nhà đa năng	9.756,1	4,6
8	Khu công trình đào tạo phụ trợ (<i>Cửa hàng sách, phòng thực hành ngân hàng số, phòng tư vấn tuyển sinh</i>)	893,4	0,4
9	Khu công trình hạ tầng kỹ thuật	597,1	0,3
10	Khu công viên, cây xanh, cảnh quan	35.644,2	16,7
11	Khu dự trữ phát triển	43.624,4	20,4
12	Khu bãi đỗ xe	5.836,7	2,7
13	Đất mặt nước	13.588,5	6,4
14	Đất giao thông	33.494,0	15,7
	Tổng cộng	213.554,5	100,0

8.1.2. Quy mô đầu tư

Theo chủ trương đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (*nay là tỉnh Ninh Bình*) phê duyệt tại Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025, phạm vi, quy mô đầu tư, bao gồm các hạng mục:

- *Đầu tư xây dựng Khu văn phòng làm việc (nhà hiệu bộ)*: Tầng cao theo quy hoạch.
- *Đầu tư xây dựng Khu giảng đường*: 02 tòa, tầng cao theo quy hoạch.
- *Đầu tư xây dựng Nhà đa năng*: Tầng cao theo quy hoạch.
- *Đầu tư xây dựng Khu thư viện và Trung tâm CNTT*: Tầng cao theo quy hoạch.
- *Đầu tư xây dựng Cụm công trình thể dục thể thao ngoài trời*: Sân bóng đá mini, sân cầu lông, sân bóng chuyền, bóng rổ, pickleball,...
- *Đầu tư xây dựng hội trường lớn*: Tầng cao theo quy hoạch.
- *Đầu tư xây dựng Khu ký túc xá sinh viên*: Tầng cao theo quy hoạch.

- *Cụm công trình cảnh quan đồng bộ*: Quảng trường, hồ cảnh quan, công trình cảnh quan trên hồ, cây xanh, đường đi xung quanh hồ, hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí,...

- *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ*: Cổng, tường rào, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, trạm biến áp, cấp điện, điện chiếu sáng, máy phát điện dự phòng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống PCCC, ...

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Khu văn phòng làm việc (Nhà hiệu bộ)

- *Mặt bằng và phương án kiến trúc*: Công trình cao 09 tầng, diện tích xây dựng khoảng 2.105,4 m². Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 15.480,0 m². Các tầng thiết kế công năng phòng làm việc của ban lãnh đạo nhà trường, phòng làm việc của các phòng ban - trung tâm, các khoa - bộ môn, viện trực thuộc trường; tổ chức hội thảo, các hoạt động đón tiếp khách quốc tế và trong nước,... Giao thông theo phương ngang là khu vực sảnh và hành lang; theo phương đứng là cầu thang bộ và thang máy. Nền và sàn lát gạch Granite; tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng; sơn hoàn thiện.

- *Phân kết cấu*: Công trình sử dụng móng cọc bê tông, cọc bê tông ly tâm; phần thân kết cấu dạng khung cột bê tông cốt thép (BTCT) chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy,... được thiết kế đồng bộ, phù hợp với yêu cầu sử dụng.

8.2.2. Nhà giảng đường

- *Mặt bằng và phương án kiến trúc*: Công trình 09 tầng, diện tích xây dựng khoảng 2.092,1 m². Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 17.445,5 m². Các tầng thiết kế công năng phòng học tập chính của sinh viên với các phòng học lý thuyết đa dạng như: phòng học cơ bản, phòng học lớn, phòng học cá nhân, phòng nghỉ giáo viên,... Giao thông theo phương ngang là khu vực sảnh và hành lang; theo phương đứng là cầu thang bộ và thang máy. Nền và sàn lát gạch Granite; tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng; sơn hoàn thiện.

- *Phân kết cấu*: Công trình sử dụng móng cọc bê tông, cọc bê tông ly tâm; phần thân kết cấu dạng khung cột BTCT chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy,... được thiết kế đồng bộ, phù hợp với yêu cầu sử dụng.

8.2.3. Nhà thư viện và trung tâm công nghệ thông tin

- *Mặt bằng và phương án kiến trúc*: Công trình 05 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.199,2 m². Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 4.728,8 m². Các tầng thiết kế công năng các không gian học tập công nghệ thông tin, các phòng đọc, các phòng quản

lý phục vụ, nơi dành cho các hoạt động liên quan đến hai chức năng cơ bản đó là tổ chức các lớp học công nghệ thông tin và là nơi hoạt động của trung tâm thư viện; nơi làm việc của các phòng ban liên quan đến sự vận hành của hai đơn vị là trung tâm công nghệ thông tin và trung tâm thư viện,... Giao thông theo phương ngang là khu vực sảnh và hành lang; theo phương đứng là cầu thang bộ và thang máy. Nền và sàn lát gạch Granite; tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng; sơn hoàn thiện.

- *Phần kết cấu:* Công trình sử dụng móng cọc bê tông, cọc bê tông ly tâm; phần thân kết cấu dạng khung cột BTCT chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy,... được thiết kế đồng bộ, phù hợp với yêu cầu sử dụng.

2.4. Nhà hội trường

- *Mặt bằng và phương án kiến trúc:* Công trình 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 2.147,1 m². Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 4.712,3 m². Các tầng thiết kế công năng sử dụng làm hội trường, không gian trưng bày, các phòng kỹ thuật, kho,... là nơi tổ chức hội thảo, các sự kiện tập trung đông người, tổ chức triển lãm, trưng bày, giao lưu văn hóa, học thuật,... Giao thông theo phương ngang là khu vực sảnh và hành lang; theo phương đứng là cầu thang bộ; nền và sàn lát gạch Granite; tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng; sơn hoàn thiện.

- *Phần kết cấu:* Công trình sử dụng móng cọc bê tông, cọc bê tông ly tâm; phần thân kết cấu dạng khung cột BTCT chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối, mái hệ khung thép.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy,... được thiết kế đồng bộ, phù hợp với yêu cầu sử dụng.

2.5. Nhà ký túc xá sinh viên

- *Mặt bằng và phương án kiến trúc:* Công trình 09 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.553,3 m². Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 13.603,9 m². Các tầng thiết kế công năng nơi ở của sinh viên cũng như của cán bộ giảng viên nhà trường, các phòng chức năng quản lý, vận hành cũng như cung cấp những dịch vụ cơ bản cho sinh viên sau những giờ học,... Giao thông theo phương ngang là khu vực sảnh và hành lang; theo phương đứng là cầu thang bộ và thang máy; nền và sàn lát gạch Granite; tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng; sơn hoàn thiện.

- *Phần kết cấu:* Công trình sử dụng móng cọc bê tông, cọc bê tông ly tâm; phần thân kết cấu dạng khung cột BTCT chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy,... được thiết kế đồng bộ, phù hợp với yêu cầu sử dụng.

2.6. Nhà đa năng

- *Mặt bằng và phương án kiến trúc:* Công trình 05 tầng, diện tích xây dựng

khoảng 1.641,0 m². Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 5.274,4 m². Các tầng thiết kế công năng bao gồm không gian ăn uống cho sinh viên, giáo viên, các phòng thể chất, văn phòng hội. Là nơi phục vụ các hoạt động ăn uống, nghỉ ngơi, giải trí và rèn luyện thể chất cho sinh viên và cán bộ giảng viên nhà trường,... Giao thông theo phương ngang là khu vực sảnh và hành lang; theo phương đứng là cầu thang bộ. Nền và sàn lát gạch Granite; tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng; sơn hoàn thiện.

- *Phần kết cấu*: Công trình sử dụng móng cọc bê tông, cọc bê tông ly tâm; phần thân kết cấu dạng khung cột BTCT chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối, mái hệ khung thép.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy,... được thiết kế đồng bộ, phù hợp với yêu cầu sử dụng.

2.7. Các hạng mục phụ trợ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Đường giao thông

- Tuyến T1 mặt cắt ngang 2-2 (theo quy hoạch): $2 \times 6,25 = 12,5$ m (lòng đường).

- Tuyến T2:

+ Mặt cắt ngang 3-3 (theo quy hoạch): $2 \times 5,75 = 11,50$ m (lòng đường);

+ Mặt cắt ngang 4-4 (theo quy hoạch): $2 \times 3,5 = 7,0$ m (lòng đường);

+ Mặt cắt ngang 5-5 (theo quy hoạch): $2 \times 3,0 = 6,0$ m (lòng đường).

- Tuyến T3 mặt cắt ngang 4-4 (theo quy hoạch): $2 \times 3,5 = 7,0$ m (lòng đường).

- Tuyến T4 mặt cắt ngang 1-1 (theo quy hoạch): $7,0 + 16,0 + 7,0 = 30,0$ m, trong đó: Lòng đường = $2 \times 7,0 = 14,0$ m; dải phân cách = 16,0 m.

- Tuyến T5 mặt cắt ngang 1-1 (theo quy hoạch): $7,0 + 16,0 + 7,0 = 30,0$ m, trong đó: Lòng đường = $2 \times 7,0 = 14,0$ m; dải phân cách = 16,0 m.

- Tuyến T6 mặt cắt ngang 4-4 (theo quy hoạch): $2 \times 3,5 = 7,0$ m (lòng đường).

- Tuyến T7 mặt cắt ngang 4-4 (theo quy hoạch): $2 \times 3,5 = 7,0$ m (lòng đường).

- Tuyến T8 mặt cắt ngang 4-4 (theo quy hoạch): $2 \times 3,5 = 7,0$ m (lòng đường).

- *Kết cấu móng, mặt đường*: Móng cấp phối đá dăm tiêu chuẩn, chiều dày theo tính toán; mặt đường bê tông nhựa 01 lớp đảm bảo $E_{yc} \geq 120$ Mpa. Toàn bộ trên lớp nền thượng đầm chặt $K \geq 98$.

- *Bó vỉa, đan rãnh*: Bó vỉa hè, bó vỉa dải phân cách và đan rãnh kích thước bằng bê tông xi măng, đặt trên lớp bê tông lót, dày 10cm.

- *Kết cấu đường dạo, sân chơi*: Lát gạch bê tông xi măng trên lớp móng bê tông xi măng, nền đắp đá lẫn đất $K \geq 95$.

- *Bãi đỗ xe*: Bằng kết cấu áo đường mềm, tương tự như đường giao thông; độ dốc được tính toán đảm bảo thoát nước mặt.

- *Hạng mục an toàn giao thông*: Bố trí các hạng mục biển báo, vạch sơn,... tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

b) Thoát nước mưa

- Hướng thoát nước chính từ Nam lên Bắc qua hệ thống cống thoát nước kết hợp hồ cảnh quan đầu nổi ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Toàn bộ nước mưa trong khu vực được chia thành 3 lưu vực:

+ *Lưu vực 1*: Tiếp giáp với cống C5 của dự án, nước mưa sẽ được thu gom và đầu nổi vào tuyến cống thoát nước mưa D1250 theo quy hoạch khu đô thị đại học Nam Cao.

+ *Lưu vực 2 (phía Tây dự án)*: Nước mưa sẽ được thu gom vào tuyến cống D1250 theo quy hoạch khu đại học Nam Cao.

+ *Lưu vực 3*: Tiếp giáp với cống C4 của dự án, nước mưa sẽ được thu gom và đầu nổi vào tuyến cống thoát nước mưa D1800 theo quy hoạch khu đô thị đại học Nam Cao.

- Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dưới lòng đường sử dụng rãnh BTCT đúc sẵn kích thước D300 đến D1000. Cống dưới lòng đường sử dụng loại chịu tải trọng HL93. Độ dốc dọc cống được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy ($i_{\min}=1/D$).

- Hệ thống ga thu và ga thăm thiết kế dọc theo tuyến cống. Hồ ga bằng bê tông cốt thép, tấm đan BTCT, kết hợp nắp ga bằng gang.

c) Thoát nước thải

- *Hướng thoát nước chính*: Từ Tây sang Đông, từ Nam lên Bắc thoát về điểm đầu thoát nước thải dự kiến tại tuyến thoát nước thải D300 phía Bắc khu vực theo đồ án quy hoạch phân khu đô thị Đại học Nam Cao đã phê duyệt. Nước thải sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của khu đô thị Đại học Nam Cao.

- Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống HDPE đường kính ống D300 kết hợp bơm chuyển bậc, độ dốc dọc tối thiểu $i=1/D$ đảm bảo điều kiện tự chảy.

- *Hố ga*: được bố trí dọc theo các tuyến ống, khoảng cách các hố từ 25m-30m. Hố ga bằng BTCT, trên đây tấm đan BTCT, kết hợp nắp hố ga bằng gang.

d) Hệ thống mạng lưới cấp nước sinh hoạt và cấp nước PCCC

- *Nguồn cấp, điểm đầu*: Nguồn cấp nước cho dự án được cấp tại vị trí ĐDN01 phía Nam dự án (theo Văn bản số 19/CV-HANWACO ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần nước sạch Hà Nam về việc thoả thuận đầu nối cấp nước cho dự án).

- Mạng lưới đường ống cấp nước gồm các đường ống HDPE có đường kính từ D63- D160. Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt. Trụ cứu hỏa được bố trí dọc theo các tuyến ống phân phối với khoảng cách từ (100-150)m.

d) Thông tin liên lạc

- *Nguồn cấp:* Đầu nối từ đường dây thông tin trên hệ chạy dọc tuyến đường giáp phía Đông ranh giới khu vực theo đồ án quy hoạch phân khu đô thị Đại học Nam Cao đã được phê duyệt.

- Xây dựng hệ thống cống bể cấp sử dụng ống UPVC D110 để luồn cáp đường trực chính và đường cáp kết nối các nhà trong dự án. Cáp sử dụng là cáp quang.

- Bố trí hệ thống camera để giám sát an ninh cho dự án, camera đặt trên cột đèn chiếu sáng đường ở độ cao 4 m. Các camera được kết nối về phòng điều khiển trung tâm bằng cáp quang. Phòng điều khiển trung tâm để giám sát an ninh dự kiến đặt ở phòng thư viện. Màn hình giám sát đặt tại phòng giám sát và phòng bảo vệ.

e) Điện ngoài nhà

- Xây dựng đường cáp ngầm 35kV cấp điện cho các TBA dự án.

+ *Điểm cấp nguồn 1:* Tại cột số 87 lộ 376 E3.5.

+ *Điểm cấp nguồn 2:* Tại cột 94A dựng đội khoảng cột 94-95 đường dây 35kV Lộ 376E3.5.

- Xây dựng đường cáp ngầm từ cột 87 đến TBA 02 1600kVA-35(22)/0.4kV, từ TBA 02 đến TBA 01 1250kVA-35(22)/0.4kV, từ TBA 01 đến TBA 03 2x1600kVA-35(22)/0.4kV, từ TBA 03 đến TBA 04 2x1250kVA-35(22)/0.4kV, từ TBA 04 đến cột 94A. Sử dụng cáp đồng ngầm 35kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W.

- Cáp ngầm đi dọc theo các tuyến đường nội bộ, cáp luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE đặt trong rãnh cáp thiết kế.

- Xây dựng TBA 01-1600kVA-35(22)/0,4kV, TBA 02-1250kVA-35(22)/0,4kV, TBA 03-2x1600kVA-35(22)/0.4kV, TBA 04-2x1250kVA-35(22)/0.4kV:

+ *TBA 01-1250kVA-35(22)/0,4kV, TBA 02-1600kVA-35(22)/0,4kV:* Trạm biến áp kiểu Kios hợp bộ đặt 01 MBA được bố trí thành 03 khoang: 01 khoang cao thế, 01 khoang máy biến áp và 01 khoang hạ thế.

+ *TBA 03-2x1600kVA-35(22)/0.4kV, TBA 04-2x1250kVA-35(22)/0.4kV:* Trạm biến áp kiểu Kios hợp bộ đặt 02 MBA được bố trí thành 04 khoang: 01 khoang cao thế, 02 khoang máy biến áp và 01 khoang hạ thế.

- Xây dựng đường cáp ngầm hạ thế 0,4kV.

- Từ 04 TBA mới của dự án xây dựng lưới điện hạ thế hình tia cấp điện đến

các tủ điện đặt trong các tòa nhà. Sử dụng loại cáp đồng ngầm 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC. Cáp được luồn trong ống xoắn chịu lực HDPE đặt trong rãnh cáp thiết kế.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng:

+ *Nguồn điện*: Lắp 01 tủ điều khiển chiếu sáng (ĐKCS) đặt cạnh nhà bảo vệ lấy nguồn từ TBA04. Cáp cáp nguồn đến tủ ĐKCS loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC, cáp cáp điện đến các đèn chiếu sáng loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC. Cáp luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE đặt trong rãnh cáp thiết kế.

+ *Các tuyến đường có bề rộng lòng đường 7m*: Bố trí 1 bên đường cột đèn thép liên cần cao 9m vươn 1,5m lắp đèn Led 90W.

+ *Nối đất tủ ĐKCS*: Sử dụng cọc thanh kết hợp, cọc tiếp địa an toàn bằng thép L63x63x6 dài 2,5m, thanh nối ngang dùng thép dẹt 40x4 chôn sâu 0,8m so với vỉa hè đảm bảo đảm điện trở $R_z \leq 4\Omega$.

+ *Hệ thống tiếp địa chiếu sáng*: Tiếp địa của từng cột điện bảo đảm điện trở $R_z \leq 10\Omega$ và toàn hệ thống sau khi được nối liên hoàn bằng dây đồng Cu/PVC bảo đảm điện trở $R_z \leq 4\Omega$. Cọc tiếp địa sử dụng là loại cọc L63x63x6 dài 2,5m mạ kẽm nhúng nóng.

f) Cổng, tường rào, nhà bảo vệ

- *Cổng, nhà bảo vệ*: Gồm 05 cổng, sử dụng cổng thép sơn tĩnh điện, cụ thể:

+ Cổng chính C1: Bố trí cổng kết hợp với nhà bảo vệ và nhà an ninh với chiều dài 37,0 m, trong đó: chiều rộng cổng 27,0m, nhà bảo vệ kích thước (6,0x6,0)m, nhà an ninh kích thước (4,0x6,0)m.

+ Cổng C2, C3: Cổng đi bộ có chiều rộng 10,0 m.

+ Cổng C4: Bố trí cổng kết hợp nhà bảo vệ với chiều dài 24,4m , trong đó nhà bảo vệ có kích thước (6,0x6,0)m chiều rộng cổng 18,4 m.

+ Cổng C5: Có chiều rộng 7,0 m.

- *Tường rào*: Thiết kế chủ yếu tường rào thoáng bằng sắt và xây gạch; trụ tường rào khoảng cách trung bình từ (3,3-3,6m)/trụ.

g) Cây xanh, hồ cảnh quan

- *Hồ cảnh quan*: Mái kè bê tông kết hợp trồng cỏ, nền đắp $K \geq 90$, đáy gia cố cọc tre kết hợp chân khay bằng rọ đá.

- *Cây xanh*: Trồng cây xanh cảnh quan theo quy hoạch được duyệt.

h) Khu giáo dục thể chất và quốc phòng

- *Sân bóng đá*: Mặt sân cỏ nhân tạo, nền đầm chặt $K \geq 95$.

- *Sân thể thao khác (bao gồm: sân tennis, sân bóng chuyền, sân pickleball, sân bóng rổ, sân cầu lông):* Mặt sân hoàn thiện trên lớp bê tông nhựa, nền đầm chặt $K \geq 95$.

- *Khu quốc phòng:* Bao gồm hào cá nhân và đôi.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) *Số bước thiết kế:* Thiết kế 02 bước.

b) *Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu được lựa chọn*

- QCVN 03:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCXDVN 05:2008 - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động;

- TCVN 9386:2012: Thiết kế công trình chịu động đất;

- TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 10304-2025: Thiết kế móng cọc;

- TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13606-2023: Tiêu chuẩn thiết kế Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 7957-2023: Tiêu chuẩn thiết kế Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các tài liệu pháp lý khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	773.873.700.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	138.876.200.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	11.533.800.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	15.450.300.000 đồng;
- Chi phí khác:	4.408.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	55.858.000.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện: Năm (2025÷2028).

13. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng

Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Hà Nam thực hiện quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng: Dự án không thực hiện giải phóng mặt bằng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (*Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu công nghệ cao*):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trước cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và trước pháp luật về quá trình triển khai thực hiện dự án; năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu khảo sát địa chất công trình phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (*Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và phát triển đô thị Việt Nam*), Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (*Văn phòng Tư vấn và chuyển giao công nghệ Xây dựng*), Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi (*Trung tâm nghiên cứu phát triển hạ tầng kỹ thuật*); đảm bảo đơn vị tài trợ, nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình tại Hợp đồng đã ký kết, chất lượng thiết kế và giám sát tác giả trong thi công xây dựng công trình theo đúng quy định tại pháp luật về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 2176/STC-TĐ ngày 07 tháng 9 năm 2025 và Sở Xây dựng tại văn bản số 1764/SXD-QLXD ngày 21 tháng 8 năm 2025; triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng; trong bước thiết kế bản vẽ thi công, chỉ đạo đơn vị tư vấn tính toán đầy đủ, kỹ lưỡng thiết kế và dự toán, lựa chọn giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiệu hành; tính toán phân kỳ mua sắm trang thiết bị theo kế hoạch đào tạo cụ thể của trường trong từng năm, đảm bảo phù hợp với nhu cầu giảng dạy, tiết kiệm, tuyệt đối không để lãng phí; chỉ được thi công theo đúng tiến độ cấp vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định (*Sở Tài chính, Sở Xây dựng*) chịu trách nhiệm toàn diện về tính đầy đủ, đúng đắn của các nội dung thẩm định của mình, tính hợp pháp hồ sơ thiết kế của sản phẩm tài trợ và năng lực của các Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Trưởng ban Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu công nghệ cao; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Hà Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hà Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Học viện Ngân hàng;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các VP: 2,5,6;
- Lưu: VT, VP4.

TT_VP4_02.09.QĐ.ĐTC/GD

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Lan Anh